



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021, NĂM 2022, NĂM 2023, NĂM 2024, NĂM 2025 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2026
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 57 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch năm 2025			Số vốn giải ngân đến hết ngày 31/01/2026						Kế hoạch năm 2025 kéo dài thời gian thực hiện (*) và giải ngân sang năm 2026		
												Kế hoạch năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch năm 2025			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		NSDP	
	TỔNG SỐ					1,729,762,302	1,729,762,302	-	3,382,000,000	3,382,000,000	-	1,403,096,580	1,403,096,580	-	3,379,874,000	3,379,874,000	-	328,791,722	328,791,722	-
A	Kế hoạch vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 đã được chuyển nguồn sang năm 2025 và kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2026					1,729,762,302	1,729,762,302	-	-	-	-	1,403,096,580	1,403,096,580	-	-	-	-	326,665,722	326,665,722	-
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					1,408,772,000	1,408,772,000					1,399,205,000	1,399,205,000					9,567,000	9,567,000	
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					1,408,772,000	1,408,772,000					1,399,205,000	1,399,205,000					9,567,000	9,567,000	
1.1	Xã Tân Long					768,182,000	768,182,000					764,536,000	764,536,000					3,646,000	3,646,000	
1.1.1	Cầu kênh thủy 9	7983743				768,182,000	768,182,000					764,536,000	764,536,000					3,646,000	3,646,000	
1.2	Xã Vĩnh Lợi					640,590,000	640,590,000					634,669,000	634,669,000					5,921,000	5,921,000	
1.2.1	Cầu kênh nhà ông Thái	7983746				640,590,000	640,590,000					634,669,000	634,669,000					5,921,000	5,921,000	
II	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					320,990,302	320,990,302					3,891,580	3,891,580					317,098,722	317,098,722	
I	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số.					320,990,302	320,990,302					3,891,580	3,891,580					317,098,722	317,098,722	
1.1	Sở Khoa học và Công nghệ					320,990,302	320,990,302					3,891,580	3,891,580					317,098,722	317,098,722	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		Kế hoạch năm 2025				Số vốn giải ngân đến hết ngày 31/01/2026						Kế hoạch năm 2025 kéo dài thời gian thực hiện (*) và giải ngân sang năm 2026		
												Kế hoạch năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch năm 2025			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP			
1.1.1	Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	7969941				320,990,302	320,990,302				3,891,580	3,891,580				317,098,722	317,098,722			
B	Kế hoạch vốn của năm 2025 kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2026							3,382,000,000	3,382,000,000					3,379,874,000	3,379,874,000		2,126,000	2,126,000		
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc							3,185,000,000	3,185,000,000	-	-	-	-	3,183,006,000	3,183,006,000	-	1,994,000	1,994,000	-	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc							3,185,000,000	3,185,000,000	-	-	-	-	3,183,006,000	3,183,006,000	-	1,994,000	1,994,000	-	
1.1	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số							3,185,000,000	3,185,000,000	-	-	-	-	3,183,006,000	3,183,006,000	-	1,994,000	1,994,000	-	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu							3,185,000,000	3,185,000,000	-	-	-	-	3,183,006,000	3,183,006,000	-	1,994,000	1,994,000	-	
a.1	Xã Xà Phiến							1,275,000,000	1,275,000,000					1,273,884,000	1,273,884,000		1,116,000	1,116,000		
a.1.1	Tuyến đường kênh Cây Me, ấp 5	7973894						1,275,000,000	1,275,000,000					1,273,884,000	1,273,884,000		1,116,000	1,116,000		
b	Xã Lương Tâm							1,910,000,000	1,910,000,000					1,909,122,000	1,909,122,000		878,000	878,000		
b.1.	Tuyến đường Tây kênh Thủy Lợi 6, ấp 10	7970425						1,910,000,000	1,910,000,000					1,909,122,000	1,909,122,000		878,000	878,000		
1.2	Dự án 6: Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch							197,000,000	197,000,000					196,868,000	196,868,000		132,000	132,000		
1	Xã Lương Tâm							197,000,000	197,000,000					196,868,000	196,868,000		132,000	132,000		
1.1	Nhà Văn hóa ấp 7, xã Lương Nghĩa	7971441						197,000,000	197,000,000					196,868,000	196,868,000		132,000	132,000		
								197,000,000	197,000,000					196,868,000	196,868,000		132,000	132,000		

(*) Số vốn điều chỉnh, bổ sung tăng so với Phụ lục số III, Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố